

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 25-3-2021

*“V/v: Không công nhận quan  
hệ vợ chồng”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hạnh và bà Trần Thị Thúy Hoa.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên  
Tòa:* Ông Hoàng Hoàn Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 949/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 581/20/12 Đường K, tổ dân phố 14, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng S, tên gọi khác: Út; sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 581/20/12 Đường K, tổ dân phố 14, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày có nội dung:***

Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Đăng S tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, sống chung từ năm 1993 nhưng do thiếu hiểu biết nên không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống đến năm 2016, bà H và ông S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm không còn, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng nên bà H có nguyện vọng đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Đăng S.

Về con chung: Bà H và ông S có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 28/3/1994; Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 07/02/1997 và Nguyễn Đăng C, sinh ngày 10/3/2004. Cháu A và cháu V đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Đăng C cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đăng S trình bày:*** Những nội dung như bà H đã trình bày về quá trình tìm hiểu, sống chung và con chung giữa ông và bà H là đúng. Ông S và bà Nguyễn Thị Lệ H tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, sống chung từ năm 1993, không tổ chức lễ cưới, và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sống chung hạnh phúc một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên ông S có nguyện vọng đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị Lệ H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 28/3/1994; Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 07/02/1997 và Nguyễn Đăng C, sinh ngày 10/3/2004. Cháu A và cháu V đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự có mặt vẫn giữ nguyên những nội dung như đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Nguyễn Đăng S, có nơi cư trú tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh

Đắc Lắc theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Đăng S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nay bà Nguyễn Thị Lệ H có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Đăng S là quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông S có 03 con chung: Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 28/3/1994; Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 07/02/1997 và Nguyễn Đăng C, sinh ngày 10/3/2004. Cháu A và cháu V đã thành niên, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Đăng S thỏa thuận giao cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đăng C, sinh ngày 10/3/2004; con chung cũng có nguyện vọng xin được ở với ông S. Do đó cần giao cháu Nguyễn Đăng C cho ông Nguyễn Đăng S được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là tự nguyện và phù hợp các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H;

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Đăng S.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đăng C, sinh ngày 10/3/2004 cho ông Nguyễn Đăng S được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành ( đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Các con chung Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 28/3/1994 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 07/02/1997 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ngọc V đã nộp thay bà H theo biên lai thu số AA/2019/0013512 ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS,
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

